

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index duy trì diễn biến vừa giằng co vừa giảm trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,649 điểm, giảm gần 11 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, tuy nhiên các ngành chủ chốt giảm nhẹ không đáng kể. Ở chiều ngược lại, ngành Tài nguyên cơ bản là ngành duy nhất kết phiên trong sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Xu hướng giằng co vẫn chiếm vị thế chủ đạo trong giai đoạn này, đặc biệt là khi VN-Index tiến về các vùng kháng cự cũ. Thị trường vẫn còn khả năng tiến về 1,680 – 1,700 trong những phiên tới, tuy nhiên sẽ đi kèm rung lắc. Nhà đầu tư nên thận trọng quan sát thị trường khi giao dịch.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-10.92** điểm, đóng cửa tại **1649** điểm. HNX-Index **-2.33** điểm, đóng cửa tại **265.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HDB (+0.76)**, **VIC (+0.45)**, **HPG (+0.17)**, **VNM (+0.10)**, **REE (+0.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.23)**, **VCB (-0.93)**, **TCB (-0.87)**, **FPT (-0.76)**, **BID (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,650** tỷ đồng, tăng **2.53%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,340 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.47 điểm. Thị trường có **84** mã tăng, 62 mã tham chiếu, **222** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-651.14** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (-188.98 tỷ)**, **VND (-143.63 tỷ)**, **MWG (-104.61 tỷ)**, **MBB (-88.34 tỷ)**, **DXG (-65.69 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.21** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.67%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+2.79%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+2.45%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+1.58%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.98%**. Các mã diễn biến tích cực:
DPM (+1.24%) [\(Link báo cáo\)](#)
IDC (+0.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
REE (+0.89%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.67%	-0.98%	-0.66%	-0.63%
1 tuần	2.19%	2.44%	1.05%	0.74%
1 tháng	6.35%	3.27%	0.77%	0.82%
3 tháng	-2.51%	-4.98%	-2.31%	0.60%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,649.00	265.03	119.64
% 1D	-0.66%	-0.87%	-0.30%
GTKL (tỷ VND)	20,650	1,588	614
%1D	2.53%	8.79%	-15.70%
GDNN (tỷ VND)	-651.14	-8.21	-60.73

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	204.99	DGC	-188.98
HDB	138.51	VND	-143.63
DGW	42.71	MWG	-104.61
CII	39.47	MBB	-88.34
NVL	33.50	DXG	-65.69

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

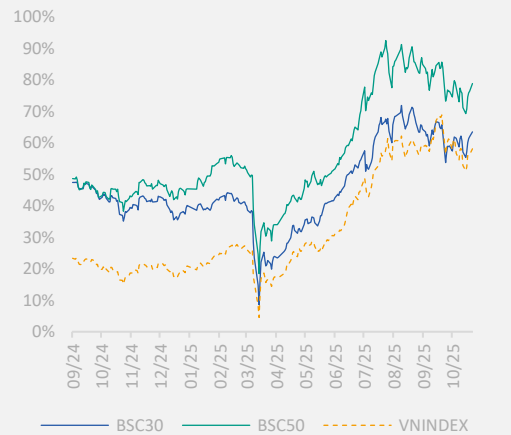
		%D	%W
SPX	6,617	-0.82%	-3.35%
FTSE100	9,532	-0.22%	-3.83%
Eurostoxx	5,510	-0.43%	-4.89%
Shanghai	3,947	0.18%	-1.33%
Nikkei	48,538	-0.34%	-4.94%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.35	-0.72%
Giá vàng	4,084	0.38%
Tỷ giá		
USD/VND	26,388	
EUR/VND	31,325	-0.08%
JPY/VND	174	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.01%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

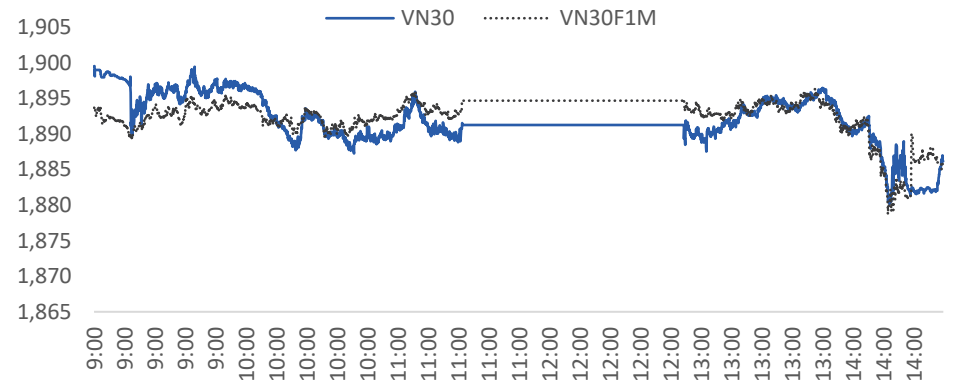
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Trang | 1

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111FB000	1885.80	-0.64%	191,865	-26.9%	20/11/2025	1
4111G6000	1873.70	-0.40%	26	-64.9%	18/06/2026	211
VN30F2512	1882.00	-0.73%	10,370	84.4%	18/12/2025	29
4111G3000	1874.00	-0.48%	145	66.67%	19/03/2026	120

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -11.87 điểm, đóng cửa tại 1886.2 điểm. Biên độ dao động 19.27 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VPB, TCB, VRE, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ phần lớn thời gian giao dịch. Thanh khoản tiếp tục duy trì dưới ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111FB000, 4111G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2526	3/12/2025	14	813,900	1.85%	27.11	250	25.0%	0.26	28.11	27.60	27.60
CLPB2505	5/01/2026	47	100	9.59%	36.69	4,390	23.7%	3.27	54.25	49.50	49.50
CSHB2508	3/02/2026	76	12,200	10.85%	13.17	2,860	16.7%	1.99	18.24	16.45	16.45
CSTB2512	23/02/2026	96	4,100	6.50%	46.00	1,680	14.3%	1.53	52.72	49.50	49.50
CHPG2506	9/01/2026	51	43,600	4.51%	23.15	1,710	14.0%	1.42	28.85	27.60	27.60
CSSB2508	4/05/2026	166	100	41.55%	21.67	670	13.6%	0.06	24.35	17.20	17.20
CVNM2513	15/12/2025	26	1,573,800	2.71%	58.17	950	13.1%	0.73	62.55	60.90	60.90
CHDB2507	9/03/2026	110	54,900	15.50%	31.20	1,650	12.2%	0.82	36.15	31.30	31.30
CSTB2511	19/12/2025	30	100	3.03%	45.00	1,500	11.9%	1.30	51.00	49.50	49.50
CFPT2505	9/01/2026	51	186,600	39.93%	136.27	100	11.1%	0.00	137.13	98.00	98.00
CSTB2525	23/07/2026	246	1,000	30.10%	57.20	1,800	11.1%	1.01	64.40	49.50	49.50
CSTB2530	25/06/2026	218	100,100	41.17%	67.80	1,040	10.6%	0.76	69.88	49.50	49.50
CHPG2515	19/12/2025	30	398,400	3.61%	26.83	530	10.4%	0.47	28.60	27.60	27.60
CVNM2516	3/12/2025	14	206,800	3.22%	61.18	220	10.0%	0.13	62.86	60.90	60.90
CHDB2508	8/09/2026	293	216,900	33.48%	35.00	2,260	9.7%	0.88	41.78	31.30	31.30
CVIC2514	25/06/2026	218	3,100	11.79%	148.89	9,760	8.8%	7.68	246.49	220.50	220.50
CHDB2506	24/02/2026	97	35,300	17.41%	33.00	1,250	8.7%	0.51	36.75	31.30	31.30
CSHB2509	3/04/2026	135	19,700	7.71%	13.47	2,400	8.6%	2.01	17.72	16.45	16.45
CHDB2509	8/03/2027	474	3,400	47.60%	37.20	3,000	7.9%	1.06	46.20	31.30	31.30
CHPG2530	23/06/2026	216	1,400	19.93%	28.60	1,500	7.1%	0.93	33.10	27.60	27.60

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 19/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CHPG2526 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 25.00%. CSTB2528 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.74%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CVRE2525, CTPB2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HDB	31.30	2.79%	0.76	3.86
VIC	220.50	0.23%	0.45	3.88
HPG	27.60	0.36%	0.17	7.68
VNM	60.90	0.33%	0.10	2.09
REE	68.00	0.89%	0.07	0.54

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	15.90	4.61%	0.15	0.35
IDC	41.50	0.97%	0.09	0.38
NTP	64.00	1.27%	0.08	0.17
KSF	78.90	0.13%	0.06	0.90
DTK	11.70	0.86%	0.04	0.68

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SFC	22.95	6.99%	0.00	0.00
HID	5.88	6.91%	0.01	1.38
HII	6.35	6.90%	0.01	1.91
NVT	8.25	6.87%	0.01	0.00
TMT	11.05	6.76%	0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PIA	28.70	9.96%	0.04	0.00
NBW	34.30	9.94%	0.13	0.00
CTP	10.00	9.89%	0.04	1.42
CMC	9.00	9.76%	0.02	0.00
VTC	9.00	9.76%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	28.10	-2.43%	-1.23	7.93
VCB	59.40	-0.83%	-0.93	8.36
TCB	34.80	-1.56%	-0.87	7.09
FPT	98.00	-2.00%	-0.76	1.70
BID	38.10	-0.78%	-0.47	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	22.20	-3.06%	-0.36	0.90
MBS	29.70	-2.62%	-0.27	0.59
CEO	25.30	-2.69%	-0.23	0.57
KSV	152.20	-1.10%	-0.20	0.20
PVI	89.00	-1.55%	-0.19	0.23

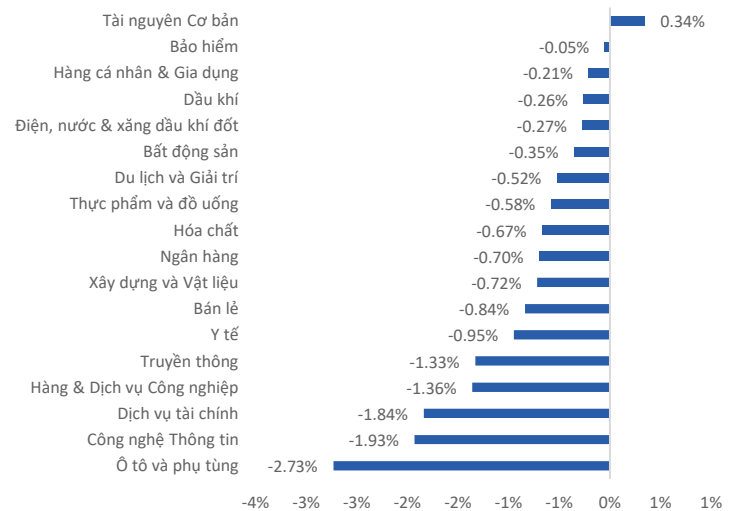
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VDP	45.70	-6.45%	-0.01	1.38
HAG	17.65	-6.37%	-0.32	49.00
TNC	28.15	-6.17%	-0.01	0.00
FUCVREIT	7.98	-5.56%	0.00	0.00
HSL	8.90	-5.22%	0.00	1.77

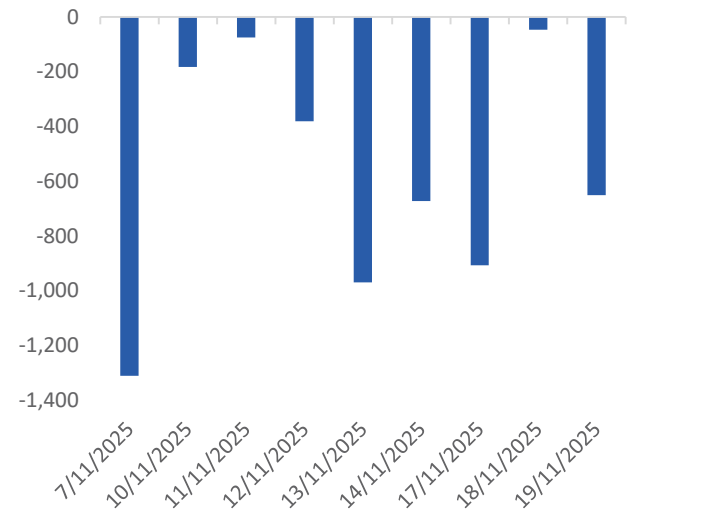
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	44.00	-9.84%	-0.78	0.00
MAS	31.20	-9.57%	-0.05	0.00
GLT	20.60	-8.04%	-0.06	0.00
SDU	15.80	-7.06%	-0.08	0.00
SPC	8.50	-6.59%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.4	-0.7%	1.3	122,712	621.9	3,955	21.0	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	34.5	-1.4%	1.2	32,914	109.9	1,872	18.7	46,000	10.3%	Link
KDH	Bất động sản	34.6	-2.3%	1.4	39,726	150.9	857	41.3	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	22.8	-0.9%	1.6	22,536	192.7	211	109.0	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	96.9	-0.1%	1.0	398,419	456.5	6,133	15.8	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	98.0	-2.0%	0.6	170,351	769.5	5,280	18.9	118,700	38.4%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	-0.6%	0.0	81,619	54.6	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.6	-0.6%	1.6	16,633	155.0	3,040	11.5	42,800	12.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	-1.3%	1.4	24,785	183.1	1,415	16.2		35.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.7	-2.5%	1.3	73,799	839.6	1,882	18.9		32.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.8	-1.7%	1.3	26,303	345.1	1,589	22.9		17.9%	
DCM	Hóa chất	35.4	1.6%	1.3	18,423	147.3	3,578	9.7	47,300	4.2%	Link
DGC	Hóa chất	96.6	-2.2%	1.4	37,522	454.4	8,296	11.9	109,300	11.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	-0.8%	0.9	128,930	149.9	3,385	7.4	28,400	29.3%	Link
BID	Ngân hàng	38.1	-0.8%	1.0	269,620	49.9	3,781	10.2	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.4	-0.1%	1.2	265,278	266.5	6,208	8.0	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	31.3	2.8%	1.2	117,519	768.4	3,667	8.3	30,800	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	23.5	-0.8%	1.2	190,903	417.9	3,017	7.9	29,300	20.5%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	-1.2%	1.1	38,376	274.1	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.5	0.0%	1.0	93,318	648.2	6,519	7.6		15.3%	
TCB	Ngân hàng	34.8	-1.6%	1.0	250,499	431.8	3,112	11.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	-2.6%	1.2	48,823	92.6	2,358	7.5	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	59.4	-0.8%	0.9	500,505	191.2	4,202	14.3	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	0.0%	0.9	63,655	164.9	2,225	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.1	-2.4%	1.1	228,497	478.9	2,603	11.1	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	0.4%	1.2	211,075	1630.9	1,876	14.7	33,170	19.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.3	0.0%	1.3	10,743	137.3	1,178	14.7	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	2.5%	1.3	10,218	246.3	4,150	6.4	28,800	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.8	-0.3%	1.2	114,227	274.6	2,196	36.0	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.9	0.3%	0.7	126,860	273.0	4,160	14.6	64,500	49.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.5	-3.01%	1.3	9,919	142.0	2,412	18.6	20.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	-1.01%	0.9	25,290	116.3	3,620	41.0	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.2	0.00%	1.2	40,234	18.0	3,578	15.2	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	21.1	0.48%	1.4	16,725	314.6	514	40.8	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.1	-2.81%	1.5	19,970	399.4	401	48.9	20.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	28.0	-1.58%	1.4	5,683	68.0	3,057	9.3	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	32.0	-2.44%	1.6	12,135	124.0	938	35.0	20.8%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	41.5	0.97%	1.4	15,597	139.0	4,849	8.5	10.7%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.3	-3.20%	1.3	18,195	122.5	2,172	17.3	45.7%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	57.8	-1.53%	1.1	14,454	48.1	5,474	10.9	3.4%	28.2%	
SZC	Bất động sản	32.1	-1.08%	1.1	5,841	18.3	1,763	18.4	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.8	0.00%	1.4	18,894	96.4	852	25.5	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	220.5	0.23%	0.9	847,663	1168.9	2,287	96.2	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	31.6	-2.32%	1.0	73,510	219.4	2,144	15.1	14.4%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.5	-0.52%	1.3	8,184	16.7	1,833	21.1	38.4%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.7	0.43%	1.0	43,899	69.3	2,090	16.5	15.0%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.1	-0.38%	1.2	14,536	491.4	1,602	16.3	7.2%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.9	-1.45%	1.4	11,920	30.7	1,262	27.3	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.7	-2.62%	1.7	20,090	125.1	1,683	18.1	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.2	-0.32%	1.0	150,568	23.8	5,014	12.5	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.9	-1.32%	1.2	35,362	73.2	812	18.6	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.0	0.89%	0.8	36,508	76.2	4,776	14.1	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	178.0	-0.61%	0.9	105,958	349.9	2,897	61.8	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.8	-4.05%	1.5	41,195	351.2	2,313	19.7	8.1%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.2	-0.47%	1.2	27,082	361.5	3,503	18.1	43.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.3	-1.78%	1.1	11,398	133.1	6,185	10.9	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	-1.08%	1.2	8,717	70.6	2,090	8.9	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	107.0	-1.65%	0.0	13,250	45.5	3,139	34.7	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.3	-0.11%	1.2	30,499	15.7	6,920	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	-0.86%	1.0	3,249	30.8	2,535	11.4	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.7	-1.99%	1.4	2,587	35.6	2,875	7.0	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.5	1.24%	1.1	16,420	284.6	1,212	19.9	4.2%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.0	-0.88%	1.3	113,000	82.2	1,569	18.0	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	0.00%	1.3	41,911	603.0	1,635	13.8	3.5%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.5	-0.10%	0.5	148,020	65.9	3,469	14.3	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.6	0.34%	0.0	24,877	25.4	2,337	6.2	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	-0.80%	0.9	33,155	30.3	1,460	8.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.2	-0.29%	1.3	7,721	184.1	571	30.2	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.6	-0.65%	1.4	8,201	59.7	2,829	10.9	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.1	0.16%	0.6	9,729	57.1	1,715	18.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.0	-0.42%	0.6	60,537	33.4	3,373	14.0	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.3	-3.95%	1.1	13,624	138.3	6,944	8.7	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	163.1	-0.61%	0.5	13,433	11.4	14,639	11.2	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.7	-1.37%	1.3	8,916	53.4	6,560	13.4	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.5	-0.54%	1.2	10,638	57.8	5,128	18.1	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.8	-1.86%	1.4	4,601	32.9	3,037	15.0	5.4%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.3	-0.35%	1.3	7,113	98.8	1,106	12.9	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	-1.78%	1.1	9,254	48.5	1,377	16.3	12.5%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.5	0.00%	1.2	15,838	108.6	6,148	4.0	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.9	-2.03%	1.5	20,983	56.7	3,090	15.1	3.3%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

 Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>